

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**

Số: 3284 /NHNo - KDVT

V/v: Công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

**Kính gửi: - Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
- Nhà đầu tư sở hữu trái phiếu**

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam gửi nội dung công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu như sau:

**1. Thông tin doanh nghiệp**

- Tên doanh nghiệp: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
- Tên viết tắt: Agribank
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 24/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 26/05/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội.  
Điện thoại: 024.3772 2773 Fax: 024.3831 4069  
Địa chỉ thư điện tử: headoffice@agribank.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn/Tổ chức tín dụng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Huy động vốn; Cho vay, bảo lãnh; Thanh toán trong nước; Thanh toán quốc tế; Dịch vụ thẻ; Treasury
- Mã số thuế: 0100686174



M.S.D.N.

## 2. Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu:

a) Thông tin tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu định kỳ

- Kỳ báo cáo: Năm (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025)

- Ngày thống kê: 31/12/2025

- Nội dung báo cáo:

### Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu của Agribank

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành (theo mệnh giá (đồng))	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối Ngày thống kê (đồng)	Trả lãi/ Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Ngày thanh toán thực tế	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nếu cụ thể kết quả đàm phán)
1	AGRIBANK BOND-15 <sup>1</sup>	8.000.000.000.000	0	Trả lãi	02/12/2025	02/12/2025	02/12/2025	7,90%	343.650.000.000	343.650.000.000	0	0	-	
2	AGRIBANK BOND-15	8.000.000.000.000	0	Trả gốc	02/12/2025	02/12/2025	02/12/2025	7,90%	4.350.000.000.000	4.350.000.000.000	0	0	-	
3	AGRIBANK2027012	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Trả lãi	24/3/2025	24/03/2025	24/03/2025	5,98%	29.490.410.959	29.490.410.959	0	0	-	
4	AGRIBANK2027012	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Trả lãi	24/06/2025	24/06/2025	24/06/2025	5,98%	30.145.753.425	30.145.753.425	0	0	-	
5	AGRIBANK2027012	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Trả lãi	24/09/2025	24/09/2025	24/09/2025	5,98%	30.145.753.425	30.145.753.425	0	0	-	
6	AGRIBANK2027012	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Trả lãi	24/12/2025	24/12/2025	24/12/2025	6,18%	30.815.342.466	30.815.342.466	0	0	-	
7	AGRIBANK2027021	76.500.000.000	76.500.000.000	Trả lãi	30/01/2025	03/02/2025	03/02/2025	5,98%	1.153.075.059	1.153.075.059	0	0	-	
8	AGRIBANK2027021	76.500.000.000	76.500.000.000	Trả lãi	30/04/2025	05/05/2025	05/05/2025	5,98%	1.128.008.220	1.128.008.220	0	0	-	
9	AGRIBANK2027021	76.500.000.000	76.500.000.000	Trả lãi	30/07/2025	30/07/2025	30/07/2025	5,98%	1.140.541.657	1.140.541.657	0	0	-	
10	AGRIBANK2027021	76.500.000.000	76.500.000.000	Trả lãi	30/10/2025	30/10/2025	30/10/2025	5,98%	1.153.075.059	1.153.075.059	0	0	-	

<sup>1</sup> Tính đến thời điểm ngày đáo hạn 02/12/2025, dư nợ mã trái phiếu AGRIBANK BOND-15 là 4.350 tỷ đồng do Agribank đã mua lại khối lượng 3.650 tỷ đồng vào ngày 20/04/2021.

100%  
NG  
NỘM  
VÀ P  
N  
V  
TP.

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành (theo mệnh giá (đồng))	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối Ngày thống kê (đồng)	Trả lãi/ Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Ngày thanh toán thực tế	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nếu cụ thể kết quả đàm phán)
11	AGRIBANK2027022	387.000.000.000	387.000.000.000	Trả lãi	30/01/2025	03/02/2025	03/02/2025	5,98%	5.833.203.290	5.833.203.290	0	0	-	
12	AGRIBANK2027022	387.000.000.000	387.000.000.000	Trả lãi	30/04/2025	05/05/2025	05/05/2025	5,98%	5.706.394.517	5.706.394.517	0	0	-	
13	AGRIBANK2027022	387.000.000.000	387.000.000.000	Trả lãi	30/07/2025	30/07/2025	30/07/2025	5,98%	5.769.798.901	5.769.798.901	0	0	-	
14	AGRIBANK2027022	387.000.000.000	387.000.000.000	Trả lãi	30/10/2025	30/10/2025	30/10/2025	5,98%	5.833.203.290	5.833.203.290	0	0	-	
15	AGRIBANK2027041	117.000.000.000	117.000.000.000	Trả lãi	15/03/2025	17/03/2025	17/03/2025	5,98%	1.725.189.038	1.725.189.038	0	0	-	
16	AGRIBANK2027041	117.000.000.000	117.000.000.000	Trả lãi	15/06/2025	16/06/2025	16/06/2025	5,98%	1.763.526.573	1.763.526.573	0	0	-	
17	AGRIBANK2027041	117.000.000.000	117.000.000.000	Trả lãi	15/09/2025	15/09/2025	15/09/2025	5,98%	1.763.526.573	1.763.526.573	0	0	-	
18	AGRIBANK2027041	117.000.000.000	117.000.000.000	Trả lãi	15/12/2025	15/12/2025	15/12/2025	5,98%	1.744.357.811	1.744.357.811	0	0	-	
19	AGRIBANK2027042	630.000.000.000	630.000.000.000	Trả lãi	15/03/2025	17/03/2025	17/03/2025	5,98%	9.289.479.449	9.289.479.449	0	0	-	
20	AGRIBANK2027042	630.000.000.000	630.000.000.000	Trả lãi	15/06/2025	16/06/2025	16/06/2025	5,98%	9.495.912.328	9.495.912.328	0	0	-	
21	AGRIBANK2027042	630.000.000.000	630.000.000.000	Trả lãi	15/09/2025	15/09/2025	15/09/2025	5,98%	9.495.912.328	9.495.912.328	0	0	-	
22	AGRIBANK2027042	630.000.000.000	630.000.000.000	Trả lãi	15/12/2025	15/12/2025	15/12/2025	5,98%	9.392.695.888	9.392.695.888	0	0	-	
23	VBAC LH2128001 (VBA12101)	300.000.000.000	300.000.000.000	Trả lãi	08/01/2025	08/01/2025	08/01/2025	6,00%	4.536.986.302	4.536.986.302	0	0	-	
24	VBAC LH2128001 (VBA12101)	300.000.000.000	300.000.000.000	Trả lãi	08/04/2025	08/04/2025	08/04/2025	6,00%	4.438.356.164	4.438.356.164	0	0	-	
25	VBAC LH2128001 (VBA12101)	300.000.000.000	300.000.000.000	Trả lãi	08/07/2025	08/07/2025	08/07/2025	5,98%	4.472.712.328	4.472.712.328	0	0	-	
26	VBAC LH2128001 (VBA12101)	300.000.000.000	300.000.000.000	Trả lãi	08/10/2025	08/10/2025	08/10/2025	5,98%	4.521.863.014	4.521.863.014	0	0	-	
27	VBAC LH2128002 (VBA12102)	1.489.000.000.000	1.489.000.000.000	Trả lãi	08/01/2025	08/01/2025	08/01/2025	6,00%	22.518.575.343	22.518.575.343	0	0	-	

86

AN  
G N  
HAT  
NG  
IET

HA

*mm*

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành (theo mệnh giá (đồng))	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối Ngày thống kê (đồng)	Trả lãi/ Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Ngày thanh toán thực tế	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nếu cụ thể kết quả đàm phán)
28	VBAC LH2128002 (VBA12102)	1.489.000.000.000	1.489.000.000.000	Trả lãi	08/04/2025	08/04/2025	08/04/2025	6,00%	22.029.041.096	22.029.041.096	0	0	-	
29	VBAC LH2128002 (VBA12102)	1.489.000.000.000	1.489.000.000.000	Trả lãi	08/07/2025	08/07/2025	08/07/2025	5,98%	22.199.562.192	22.199.562.192	0	0	-	
30	VBAC LH2128002 (VBA12102)	1.489.000.000.000	1.489.000.000.000	Trả lãi	08/10/2025	08/10/2025	08/10/2025	5,98%	22.443.513.424	22.443.513.424	0	0	-	
31	VBAC LH2232005 (VBA12207)	200.000.000.000	200.000.000.000	Trả lãi	30/6/2025	30/06/2025	30/06/2025	5,98%	11.960.000.000	11.960.000.000	0	0	-	
32	VBAC LH2232009 (VBA12208)	600.000.000.000	600.000.000.000	Trả lãi	10/08/2025	11/08/2025	11/08/2025	6,28%	37.680.000.000	37.680.000.000	0	0	-	
33	VBAC LH2131003 (VBA12127)	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000	Trả lãi	30/08/2025	03/09/2025	03/09/2025	5,68%	68.160.000.000	68.160.000.000	0	0	-	
34	VBAC LH2232013 (VBA12209)	435.000.000.000	435.000.000.000	Trả lãi	16/09/2025	16/09/2025	16/09/2025	6,28%	27.318.000.000	27.318.000.000	0	0	-	
35	VBAC LH2128005 (VBA12103)	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	Trả lãi	28/10/2025	28/10/2025	28/10/2025	5,68%	56.800.000.000	56.800.000.000	0	0	-	
36	VBAC LH2128006 (VBA12104)	1.057.700.000.000	1.057.700.000.000	Trả lãi	30/11/2025	01/12/2025	01/12/2025	5,78%	61.135.060.000	61.135.060.000	0	0	-	
37	VBAC LH2128007 (VBA12105)	600.000.000.000	600.000.000.000	Trả lãi	22/12/2025	22/12/2025	22/12/2025	5,78%	34.680.000.000	34.680.000.000	0	0	-	
<b>Tổng cộng</b>		<b>18.092.200.000.000</b>	<b>10.092.200.000.000</b>						<b>5.291.528.830.119</b>	<b>5.291.528.830.119</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-</b>	

**b) Thông tin về hoàn thành việc thanh toán gốc, lãi trái phiếu tại ngày đáo hạn:** Trong kỳ báo cáo Agribank phát sinh việc thanh toán gốc, lãi trái phiếu mã AGRIBANK BOND - 15 tại ngày đáo hạn là ngày 02/12/2025 (chi tiết tại STT 01,02 Mục 2.a.)

174 - C  
HÀNG  
GHIẾP  
TRIỂN  
THÔN  
NAM  
NỘI

*msr*

c) **Thông tin về chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu:** Trong kỳ báo cáo Agribank không phát sinh việc chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu.

d) **Thông tin về cập nhật thanh toán bổ sung/hoàn thành thanh toán gốc, lãi trái phiếu sau khi chậm thanh toán:** Trong kỳ báo cáo Agribank không phát sinh việc thanh toán bổ sung/hoàn thành thanh toán gốc, lãi trái phiếu sau khi chậm thanh toán.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

**Nơi nhận (IOffice):**

- Như kính gửi;
- HĐTV (đề b/c);
- TGD (đề b/c);
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VP, KDVTT. (04MĐ) *ph*

**NGƯỜI LẬP BIỂU  
TRUNG TÂM KINH DOANH VỐN VÀ TIỀN TỆ  
TRƯỞNG PHÒNG KINH DOANH VỐN**



**Phạm Việt Phương**

**TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đoàn Ngọc Lưu**

